

LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi đăng ký làm việc	Điểm thi viết		Điểm phỏng vấn		Điểm ưu tiên	Điểm trọng ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Kiến thức đối ngoại	Ngoại ngữ	Kiến thức đối ngoại	Ngoại ngữ				
		I. CHUYÊN VIÊN ĐỐI NGOẠI TIẾNG ANH												
1	A15	Phạm Mỹ	Lệ	Nữ	03/4/1999	Hà Nội	32,50	23,00	13,20	12,30			81,00	Đủ điều kiện xét tuyển
2	A05	Đặng Thùy	Dương	Nữ	10/6/1998	Hà Nội	28,00	24,50	9,70	9,10	5,00	Sĩ quan quân đội	76,30	Đủ điều kiện xét tuyển
3	A21	Dương Kiều	Trinh	Nữ	19/6/1998	Hà Nội	23,50	24,25	11,00	12,70			71,45	Đủ điều kiện xét tuyển
4	A11	Phan Thị	Hà	Nữ	25/6/1995	Hà Nội	23,50	28,00	9,30	9,30			70,10	Đủ điều kiện xét tuyển
5	A12	Đinh Mỹ	Hạnh	Nữ	10/10/1991	Hà Nội	28,50	23,00	9,50	8,70			69,70	Đủ điều kiện xét tuyển
6	A02	Trần Ngọc	Châu	Nữ	17/4/1996	Hà Nội	24,50	24,00	10,30	8,90			67,70	Đủ điều kiện xét tuyển
7	A13	Vũ Việt	Hùng	Nam	10/4/1997	Hà Nội	23,25	21,25	8,70	11,00			64,20	Đủ điều kiện xét tuyển
8	A07	Hoàng Thị Linh	Giang	Nữ	10/02/1991	Hà Nội	14,50	28,75	9,20	11,00			63,45	Đủ điều kiện xét tuyển
9	A10	Phạm Thị	Hà	Nữ	29/9/1999	Hà Nội	19,50	22,25	9,20	10,70			61,65	Đủ điều kiện xét tuyển
10	A17	Phạm Hải	Long	Nam	30/10/1998	Hà Nội	24,25	20,50	7,50	8,30			60,55	Đủ điều kiện xét tuyển

11	A03	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	19/01/1998	Hà Nội	23,25	18,25	8,30	8,30			58,10	Đủ điều kiện xét tuyển
12	A20	Đỗ Nhật	Quang	Nam	28/12/1994	Hà Nội	13,00	19,50	10,50	9,60			52,60	Đủ điều kiện xét tuyển
13	A09	Nguyễn Vũ Việt	Hà	Nữ	04/12/1995	Hà Nội	11,50	24,75	7,80	8,20			52,25	Đủ điều kiện xét tuyển
14	A08	Vũ Thái Hoàng	Giang	Nam	10/9/1995	Hà Nội	10,50	17,00	10,20	12,20			49,90	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
15	A19	Nguyễn Quốc	Nhật	Nam	13/3/1997	Hà Nội	9,50	22,00	7,20	8,60			47,30	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
16	A22	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	04/4/1994	Hà Nội	13,50	14,50	4,00	8,60			40,60	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
17	A04	Tô Hải	Đặng	Nam	18/5/1997	Hà Nội	Không dự thi						0,00	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
18	A06	Ngô Tùng	Dương	Nam	21/02/1996	Hà Nội	Không dự thi						0,00	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
19	A16	Vũ Ngọc Khánh	Linh	Nữ	25/7/1999	Hà Nội	Không dự thi						0,00	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
20	A18	Nguyễn Trà	My	Nữ	15/8/1999	Hà Nội	Không dự thi						0,00	<i>Không đủ điều kiện xét tuyển</i>
21	A01	Phạm Ngọc Gia	Bảo	Nữ	24/4/1999	TP Hồ Chí Minh	19,50	26,25	8,30	12,20			66,25	Đủ điều kiện xét tuyển

22	A14	Trịnh Đoàn Phương	Khanh	Nữ	30/10/1996	TP Hồ Chí Minh	11,00	25,50	4,50	8,70			49,70	Không đủ điều kiện xét tuyển
II. CHUYÊN VIÊN ĐỐI NGOẠI TIẾNG PHÁP														
23	P01	Nguyễn Thanh	Thảo		02/9/1999	Hà Nội	29,00	23,00	9,70	9,50			71,20	Đủ điều kiện xét tuyển
III. CHUYÊN VIÊN ĐỐI NGOẠI TIẾNG TÂY BAN NHA														
24	T01	Đỗ Đình	Cường	Nam	18/02/1992	Hà Nội	12,50	28,50	7,50	13,00			61,50	Đủ điều kiện xét tuyển
25	T02	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	01/04/1993	Hà Nội	11,00	27,50	6,00	12,50			57,00	Đủ điều kiện xét tuyển
IV. CHUYÊN VIÊN NGHIỆP VỤ KHÁC														
STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi đăng ký làm việc	Điểm thi viết Nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm phỏng vấn Nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm tương đương ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú		
26	NV09	Đồng Thị Ngọc	Mai	Nữ	07/01/1998	Hà Nội	41,75	27,00	5,00	Người dân tộc thiểu số	73,75	Đủ điều kiện xét tuyển		
27	NV08	Đỗ Hương	Ly	Nữ	22/11/1993	Hà Nội	37,50	25,30			62,80	Đủ điều kiện xét tuyển		
28	NV03	Lê Thị	Hoa	Nữ	10/01/1992	Hà Nội	35,00	24,80			59,80	Đủ điều kiện xét tuyển		
29	NV13	Nguyễn Bích	Thủy	Nữ	30/10/1989	Hà Nội	28,00	23,00	5,00	Con thương binh	56,00	Đủ điều kiện xét tuyển		
30	NV10	Phạm Vân	Phượng	Nữ	09/01/1989	Hà Nội	36,50	17,00			53,50	Đủ điều kiện xét tuyển		
31	NV12	Hồ Trung	Thành	Nam	15/4/1979	Hà Nội	36,50	15,30			51,80	Đủ điều kiện xét tuyển		
32	NV01	Ngô Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	19/8/1999	Hà Nội	36,00	10,70			46,70	Không đủ điều kiện xét tuyển		

33	NV02	Nguyễn Việt	Chiến	Nam	03/11/1975	Hà Nội	23,50	22,30			45,80	Không đủ điều kiện xét tuyển
34	NV07	Trần Thái	Linh	Nữ	13/3/1987	Hà Nội	34,75	10,70			45,45	Không đủ điều kiện xét tuyển
35	NV06	Trịnh Thị Xuân	Liều	Nữ	24/01/1999	Hà Nội	22,50	12,30			34,80	Không đủ điều kiện xét tuyển
36	NV11	Lê Văn	Thanh	Nam	30/9/1979	Hà Nội	25,50	9,00			34,50	Không đủ điều kiện xét tuyển
37	NV04	Cao Thanh	Huyền	Nữ	21/02/1997	Hà Nội	Không dự thi				0,00	Không đủ điều kiện xét tuyển
38	NV05	Thái Ngọc	Khánh	Nữ	10/6/1989	Hà Nội	Không dự thi				0,00	Không đủ điều kiện xét tuyển

Danh sách này gồm 38 (ba mươi tám) thí sinh./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



Phan Anh Sơn

Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam